

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **410/2020/DS - PT**
Ngày: 25-5-2020
V/v “tranh chấp hợp đồng dịch vụ,
vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hoa.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Hiền.
Bà Phan Thị Út.

Thư ký Tòa phiên tòa: Bà Đào Thị Lành - Cán bộ Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mộng Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
216/2020/TLPT-DS ngày 24/02/2020 về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng
dịch vụ, vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 505/2019/DS-ST ngày 27-11-2019 của Tòa án
nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1837/2020/QĐ - PT ngày
23 tháng 4 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 5301/2020/QĐ-PT
ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đăng T.H (Nguyễn – D.T), sinh năm 1949 (chết
ngày 01/4/2020)

Địa chỉ: Căn hộ 202 – Chung cư P.L, số 44Bis đường P.L, phường DK,
Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

- Bà Trần Thị Bích T.H, sinh năm 1951. (Vợ ông T.H)

- Ông Nguyễn Dang M.O, sinh năm 1987. (Con ông T.H)

Cùng địa chỉ: F2-01 M.T 1-H31, phường T.P, Quận B.A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Bích T.H, ông Nguyen Dang M.O là: Ông Nguyễn Trần Sơn L.A, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 145 H.H, Phường M.H, Quận M0, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Là người đại diện theo ủy quyền – văn bản ủy quyền ngày 15/4/2020)

Bị đơn: Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ PCM.

Địa chỉ: 09 đường Trần Doãn Khanh, phường DK, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Hữu C.U – nguyên là Người đại diện theo pháp luật của bị đơn - Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ PCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn- Ông Nguyễn Đăng T.H (Nguyễn- D.T) có ông Nguyễn Trần Sơn L.A là người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 01/01/2010, ông T.H ký kết hợp đồng với Công ty TNHH sản xuất- Thương mại- Dịch vụ PCM (Gọi tắt là Công ty PCM) để tư vấn xây dựng hoàn thiện hệ thống tài chính. Công ty PCM có nghĩa vụ thanh toán cho ông T.H 1.935.000.000 đồng sau thuế, thanh toán khi kết thúc hợp đồng nhưng không muộn hơn ngày 31/7/2011, thực tế thì công việc của ông T.H đã bắt đầu từ 5 năm trước khi ký hợp đồng.

Ông T.H đã hoàn thành công việc vào cuối tháng 6/2011, Công ty PCM đã thanh toán cho ông T.H 935.000.000 đ (Chín trăm ba mươi lăm triệu đồng), còn lại 1.000.000.000 đ (Một tỷ đồng) chưa thanh toán. Ông T.H khởi kiện để yêu cầu Công ty PCM trả cho ông 1.000.000.000 đ (Một tỷ đồng) và tiền lãi chậm trả.

Quá trình giải quyết Công ty PCM cho rằng ông T.H đã vay của Công ty PCM 1.000.000.000 đ (Một tỷ đồng) từ ngày 14/5/2010, đã hết thời hạn nhưng ông T.H chưa trả nên Công ty PCM đã cầm trừ tiền của ông T.H. Chứng cứ mà Công ty PCM đưa ra là 01 Phiếu chi số: 050012 ngày 14/5/2010 (Gọi tắt là Phiếu chi). Ông T.H khẳng định rằng ông không vay của Công ty PCM. Số tiền ông ký vào Phiếu chi là tiền của ông Nguyễn Hữu Chung trả cho ông vì trước đó ông cho ông C.H vay 50.000 USD vào ngày 07/4/2010, thời hạn vay là 3 tháng, nhưng khi ông C.H trả cho ông T.H thì trả bằng tiền của Công ty PCM vì ông C.H là chủ của Công ty. Trước khi có Phiếu chi, ông T.H đã ký nhận bằng USD là 50.750 USD. Sau đó, ông C.H nói ông T.H ký lại vào Phiếu chi để hợp thức hóa kế toán. Khi ký ông T.H đã đọc kỹ Phiếu chi ghi tài khoản nợ là 3111 và lý do chỉ là vay ngắn hạn, Kế toán Trưởng ký trên Phiếu chi là ông Khoa (không nhớ họ, không biết địa chỉ). Tài khoản 3111 là tài khoản nợ mà Công ty PCM

phải trả cho người khác và đây là nợ vay ngắn hạn. Theo quy định thì Phiếu chi đã ghi hợp lệ việc trả nợ cho ông T.H. Việc Công ty PCM trả nợ cho ông C.H vì đây là cách làm của Công ty, hơn nữa ông C.H là chủ của Công ty PCM. Tuy nhiên, sau đó Công ty PCM đã tự ý sửa lại bằng viết tay vào tài khoản nợ là 1288, đây là tài khoản mà theo quy định Công ty PCM đầu tư ngắn hạn, như vậy đã làm thay đổi bản chất số tiền ông T.H đã nhận của Công ty PCM trả nợ cho ông C.H.

Bên cạnh đó, Công ty PCM còn xuất trình một tài liệu đó là Sổ chi tiết tài khoản có ghi ông T.H mượn 1.000.000.000 đ (Một tỉ đồng). Nhìn bằng mắt thường cũng có thể thấy được, tài liệu này không được in từ chương trình quản lý kế toán của Công ty PCM mà được tạo lập để làm chứng cứ cho Tòa án, bởi vì ở dòng “Cho ông Nguyễn Đăng T.H mượn tiền” không cùng nét và khổ chữ với các dòng khác, nhất là con số 1.000.000.000 đồng. Và đặc biệt hơn, Sổ chi tiết tài khoản này do Kế toán Trưởng là bà Nguyễn Thị a.H ký nhưng thời điểm này Kế toán Trưởng là ông K, người đã ký vào Phiếu chi (cùng trong tháng 5 nhưng chữ ký của Kế toán Trưởng lại khác nhau). Thực tế bà a.H không phải là Kế toán Trưởng của Công ty PCM mà là nhân viên của Công ty Con Heo Vàng (bà a.H không có bằng cấp Kế toán Trưởng). Ngoài ra chứng cứ phía Công ty PCM còn đưa ra là một Biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty. Theo nội dung Biên bản Hội đồng thành viên gồm ông Nguyễn Hữu Chung và Nguyễn Hữu C.U họp vào lúc 10 giờ ngày 14/5/2010 nhưng lại ghi “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300953412, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, cấp lần đầu ngày 14/4/1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16/8/2011”. Điều này lại càng chứng minh chứng cứ này là ngụy tạo vì Biên bản họp Hội đồng thành viên vào ngày 14/5/2010 xảy ra trước khi đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 13/8/2011 thì làm sao có dữ liệu thông tin này để đưa vào. Do đó, đối với yêu cầu phản tố của Công ty PCM, ông T.H khẳng định không có vay 1.000.000.000 đ (Một tỉ đồng) theo Phiếu chi số 050012 ngày 14/5/2010. Phiếu chi có việc chỉnh sửa nên chứng từ không có giá trị pháp lý, đã chỉnh sửa (Từ tài khoản nợ 3111 thành 1288 làm thay đổi bản chất việc nhận tiền, từ nợ phải trả thành đầu tư ngắn hạn). Vì vậy, ông T.H không đồng ý yêu cầu phản tố của Công ty PCM.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Yêu cầu Tòa án buộc Công ty PCM phải trả cho ông T.H số tiền còn thiếu là 1.000.000.000 đ (Một tỉ đồng) cộng với tiền lãi chậm thanh toán trong 08 năm tạm tính là 720.000.000 đ (Bảy trăm hai mươi triệu đồng).

Tổng cộng là 1.720.000.000 đ (Một tỉ bảy trăm hai mươi triệu đồng).

Mức lãi suất là 9%/năm, Nguyên đơn căn cứ vào quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ngày tính lãi tạm tính từ ngày 01/8/2011 đến ngày 27/11/2019.

Đối với việc giám định:

Ông T.H không yêu cầu giám định lại Phiếu chi số: 050012 ngày 14/5/2010. Chi phí ông T.H đã bỏ ra giám định, ông T.H Tự nguyện chịu, cụ thể là: Đối với yêu cầu trung cầu giám định Phiếu chi số 050012 ngày 14/5/2010 có bị sửa chữa, tẩy xóa ở mục tên tài khoản “Nợ” hay không: Chi phí là 1.785.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn- Công ty TNHH Sản xuất- Thương mại- Dịch vụ PCM (Gọi tắt là Công ty PCM)- có ông Nguyễn Hữu C.U đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty PCM xác nhận giữa Công ty và ông T.H có ký hợp đồng dịch vụ tư vấn ngày 01/01/2010 và xác nhận ông T.H đã hoàn thành công việc theo hợp đồng. Công ty PCM đã thanh toán cho ông T.H 935.000.000 đ (Chín trăm ba mươi lăm triệu đồng) vào ngày 26/7/2011, số tiền 1.000.000.000 đ (Một tỉ đồng) còn lại Công ty PCM đã thanh toán bằng cách cầm trừ vào khoản vay ngắn hạn có giá trị 1.000.000.000 đ (Một tỉ đồng) mà ông T.H đã vay của Công ty PCM theo Phiếu chi số 050012 ngày 14/5/2010. Khoản vay này hoàn toàn xác thực, thể hiện qua việc Phiếu chi 050012 này là ngoài chữ ký của ông T.H cũng đã được đóng dấu, ký xác nhận bởi đại diện có thẩm quyền của Công ty PCM.

Công ty PCM đã cầm trừ khoản vay vào tiền phí dịch vụ mà Công ty có nghĩa vụ thanh toán cho ông T.H là hoàn toàn phù hợp nên Công ty PCM không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.H.

Công ty PCM có yêu cầu phản tố đối với ông T.H, yêu cầu ông T.H trả số tiền vay 1.000.000.000 đ (Một tỉ đồng) của Phiếu chi số 050012 ngày 14/5/2010 và tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 15/5/2011 đến nay là 720.000.000 đ (Bảy trăm hai mươi triệu đồng).

Đối với họ tên đầy đủ và địa chỉ của Kế toán Trưởng có ký tên trong Phiếu chi số 050012 ngày 14/5/2010 Công ty PCM không có để cung cấp cho Tòa án.

Đối với việc giám định:

Công ty PCM không yêu cầu giám định lại Phiếu chi số: 050012 ngày 14/5/2010. Đối với yêu cầu trung cầu giám định chữ ký của người nhận tiền ghi trên bản gốc Phiếu chi số 050012 ngày 14/5/2010: Chi phí là 2.550.000 đồng, Công ty PCM tự nguyện chịu.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử...được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Do Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của Bị đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 505/2019/DS-ST ngày: 27-11-2019 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 19 của Luật Kế toán năm 2003;

Căn cứ vào Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9; Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn- Ông Nguyễn Đăng T.H (Nguyễn- D.T).

Buộc Công ty TNHH Sản xuất- Thương mại- Dịch vụ PCM thanh toán ngay toàn bộ nợ gốc và lãi cho ông Nguyễn Đăng T.H (Nguyễn- D.T) theo hợp đồng dịch vụ tư vấn ngày 01/01/2010 là 1.720.000.000 đ (Một tỉ bảy trăm hai mươi triệu đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 1.000.000.000 đ (Một tỉ đồng);

- Nợ lãi: 720.000.000 đ (Bảy trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.”

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty TNHH Sản xuất- Thương mại- Dịch vụ PCM về việc buộc ông Nguyễn Đăng T.H (Nguyễn- DT) trả số tiền vay 1.000.000.000 đ (Một tỉ đồng) theo Phiếu chi số 050012 ngày 14/5/2010 và lãi chậm trả là 720.000.000 đ (Bảy trăm hai mươi triệu đồng).

Công ty TNHH Sản xuất- Thương mại- Dịch vụ PCM có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đăng T.H (Nguyễn- D.T) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Đăng T.H (Nguyễn- D.T) số tiền 24.633.750 đ (Hai mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AD/2011/05439 ngày 13 tháng 7 năm 2012 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số tiền 22.713.750 đ (Hai mươi hai triệu bảy trăm mười ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng) do Công ty TNHH Sản xuất- Thương mại- Dịch vụ PCM đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AD/2011/05612 ngày 21 tháng 9 năm 2012 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh được sung vào công quỹ nhà nước.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 26/12/2019, ông Nguyễn Hữu C.U – nguyên là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ PCM kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Trần Sơn L.A là người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Dang M.O và bà Trần Thị Bích T.H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn – ông Nguyễn Đăng T.H (Nguyễn - D.T) trình bày:

Ông Nguyễn Đăng T.H (Nguyễn - D.T) chết vào ngày 01/4/2020 có vợ là bà Trần Thị Bích T.H và con trai là ông Nguyễn Dang M.O. Phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không kháng cáo bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Hữu C.U – nguyên là người đại diện theo pháp luật của bị đơn - Công ty TNHH Sản xuất- Thương mại- Dịch vụ PCM trình bày:

Công ty TNHH Sản xuất- Thương mại- Dịch vụ PCM đã giải thể từ ngày 23/5/2020 theo Thông báo số *430279/19* về việc doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại của Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng ông C.H và phía Công ty không báo cho Tòa án cấp sơ thẩm được biết. Công ty có 03 thành viên góp vốn là: Ông Nguyễn Hữu C.U – Chủ tịch Hội đồng quản trị, ông Nguyễn Hữu C.U – người đại diện theo pháp luật, bà Hồ Thị Ngọc D.I. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại trụ sở Công ty, ông biết được việc Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử là do Tòa án niêm yết bản án tại trụ sở cũ của Công ty, người quen của ông đang mở Công ty hoạt động tại đó biết và thông báo.

Công ty có yêu cầu phản tố đối với ông T.H, yêu cầu ông T.H trả số tiền vay 1.000.000.000 đ (Một tỉ đồng) của Phiếu chi số 050012 ngày 14/5/2010 và tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 15/5/2011 đến nay là 720.000.000 đ (Bảy trăm hai mươi triệu đồng). Nhưng do Tòa án niêm yết tại trụ sở Công ty không tổng đạt trực tiếp cho ông, cũng như các thành viên Công ty nên không biết để tham gia tố tụng dẫn đến việc Công ty bị đình chỉ yêu cầu phản tố làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông và các Thành viên Công ty.

Do đó, ông kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông. Hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Nhận thấy Công ty đã giải thể, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Nguyễn Hữu Chung, ông Nguyễn Hữu C.U, bà Hồ Thị Ngọc D.I là thành viên góp vốn của Công ty vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu C.U. Hủy bản án sơ thẩm 505/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của ông Nguyễn Hữu C.U trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Theo Thông báo số *430279/19* về việc doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại của Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ngày 23/5/2020, thì Công ty TNHH Sản xuất- Thương mại- Dịch vụ PCM đã giải thể từ ngày 23/5/2020.

Tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ PCM thì Công ty có 03 thành viên góp vốn là: Ông Nguyễn Hữu C.H – Thành viên góp vốn, ông Nguyễn Hữu C.U – người đại diện theo pháp luật, bà Hồ Thị Ngọc D.I- Thành viên góp vốn. Phù hợp với lời trình bày của ông C.H tại phiên tòa phúc thẩm.

Căn cứ theo quy định tại điểm khoản 2 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng quy định về người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: “Trường hợp đương sự là cơ quan, tổ chức đang tham gia tố tụng phải chấm dứt hoạt động, bị giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, chuyển đổi hình thức tổ chức thì việc kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự của cơ quan, tổ chức đó được xác định như sau: Trường hợp tổ chức phải chấm dứt hoạt động, bị giải thể là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh thì cá nhân, tổ chức là thành viên của tổ chức đó hoặc đại diện của họ tham gia tố tụng;”

Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Luật doanh nghiệp năm 2014, thì Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là doanh nghiệp, trong đó Thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 48 của Luật này; Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 50 của Luật Doanh nghiệp về quyền của thành viên, thì Thành viên góp vốn có quyền được chia giá trị tài sản còn lại của Công ty tương ứng với phần vốn góp khi Công ty giải thể hoặc phá sản.

Căn cứ khoản 1 Điều 51 của Luật doanh nghiệp năm 2014, về Nghĩa vụ của thành viên: Góp đủ, đúng hạn số vốn đã cam kết và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 48 của Luật này.

Xét, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bị đơn, niêm yết các văn bản tố tụng tại trụ sở Công ty do Công ty không có đại diện tham gia tố tụng mà không xác minh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh về tình hình hoạt động của Công ty. Dẫn đến việc không biết Công ty giải thể và đưa thiếu người tham gia tố tụng là các thành viên góp vốn của Công ty tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Công ty. Tòa án cũng không xác minh về việc Công ty đã có biên bản họp về việc giải quyết các nghĩa vụ nợ hay chưa.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu phản tố của Công ty về việc yêu cầu ông T.H trả số tiền vay 1.000.000.000 đ (Một tỷ đồng) của Phiếu chỉ số 050012 ngày 14/5/2010 và tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 15/5/2011 đến nay là 720.000.000 đ (Bảy trăm hai mươi triệu đồng) làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các Thành viên góp vốn trong Công ty.

Do các thiếu sót này không thể khắc phục tại cấp phúc thẩm.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hữu C.U. Hủy bản án sơ thẩm số 505/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về Án phí dân sự phúc thẩm: Do Hội đồng phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016. Do đó, ông Nguyễn Hữu C.U không phải chịu án phí. Hoàn lại cho ông Nguyễn Hữu C.U số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0005687 ngày 06/01/2020 tại Chi Cục thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 74, khoản 3 Điều 308, Điều 310 và khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 93, 94 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 47, Điều 50, Điều 51 của Luật doanh nghiệp năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hữu C.U – nguyên là người đại diện theo pháp luật của bị đơn – Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ PCM.

2. Hủy bản án sơ thẩm số 505/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận M giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu C.U không phải chịu. Hoàn lại cho ông Nguyễn Hữu C.U số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0005687 ngày 06/01/2020 tại Chi Cục thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh..

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Tòa án nhân dân Quận M;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận M;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Vp, Hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hoa